TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 252/2017/QĐST-HNGĐ	*Điện Bàn, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 176/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2017, giữa:

a) Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T – Sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn 1 TS, xã Đ, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam.

b) Bị đơn**:** Ông Dương Văn Th – Sinh năm 1972.
Địa chỉ: Thôn 1 TS, xã Đ, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 357, 468 BLDS, Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị T và ông Dương Văn Th.
2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Dương Văn Th thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: Có 02 con chung.

Giao con Dương Văn H – Sinh ngày 12/02/2000 và Dương Thị H – Sinh ngày 03/12/2001 cho bà Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Dương Văn H và Dương Thị H hiện nay đang sống cùng bà Phạm Thị T).

Bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Dương Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Dương Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

c) Về tài sản chung: Thỏa thuận như sau:

c.1) Phần bà Phạm Thị T được nhận và sở hữu:

- Một ngôi nhà trệt, gác lững BTCT, tường xây 110, kể cả mặt trước 220, mái lợp tôn, nền gạch men, hiên đúc sa nô, trụ BTCT, ô tơ cao 4,8m, diện tích 57,73m^2; Nhà trệt, tường xây 110, mái lợp tôn, nền xi măng, ô tơ cao 3,2m, diện tích 31,55m^2; Nhà trệt, tường xây 110, mái lợp tôn, nền xi măng, ô tơ cao 2,8m, diện tích 37,07m^2; Nhà vệ sinh: nhà trệt, nền gạch men, xây 110, diện tích 5,415m^2; Sân gạch vỡ trên láng xi măng và quyền sử dụng đất diện tích 200m^2, thửa đất số 368(01), tờ bản đồ số 15, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 821368, do UBND huyện Điện Bàn cấp vào ngày 07/5/2008; Địa chỉ (nhà và đất): Thôn 1 TS, xã Đ, thị xã ĐB. [Toàn bộ phần nhà gắn liền với phần đất diện tích 200m^2 tại thửa đất số 368(01)]. Được xác định tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo):

+ Chiều ngang phía Bắc giáp đường bê tông 2,5m có độ dài: 10m;
+ Chiều ngang phía Nam giáp thửa đất số 394 có độ dài: 10m;
+ Chiều dài phía Đông giáp đường đất có độ dài: 20m;
+ Chiều dài phía Tây giáp thửa đất số 368 có độ dài: 20m;

Trị giá (nhà và đất): 262.043.000đ

- Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Phong Thử Điện Thọ vào ngày 17/9/2013, số tiền gốc: 14.000.000đ và lãi là 1.904.300đ (do bà Phạm Thị T đứng tên), tổng cộng (gốc và lãi): 15.904.300đ; Số sổ: AD 00003310771.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Điện Tiến - Quỹ Tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 20/7/2015, số tiền gốc 10.000.000đ, lãi nhập gốc: 705.900đ, lãi 696.000đ. Tổng cộng (gốc và lãi): 11.401.900đ (do bà Phạm Thị T đứng tên gửi); Số seri của sổ: 0422856.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Điện Tiến - Quỹ Tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 19/01/2016, số tiền gốc: 13.000.000đ, lãi 858.000đ. Tổng cộng (gốc và lãi): 13.858.000đ (do bà Phạm Thị T đứng tên gửi); Số seri của sổ: 0342213.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Điện Tiến - Quỹ Tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 06/6/2017, số tiền gốc: 45.000.000đ (do bà Phạm Thị T đứng tên gửi); Số seri của sổ: 0347985.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ Tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 03/12/2013, số tiền gốc: 15.000.000đ, lãi 3.807.000đ. Tổng cộng (gốc và lãi): 18.807.000đ (do bà Phạm Thị T đứng tên gửi); Số seri của sổ: 0423235.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 25/9/2014, số tiền gốc: 22.000.000đ, lãi 3.424.400đ. Tổng cộng (gốc và lãi): 25.424.400đ (do bà Phạm Thị T đứng tên gửi); Số seri của sổ 0425733.

Bà Phạm Thị T được nhận tài sản tổng cộng là: 392.438.600đ

c.2) Phần ông Dương Văn Th được nhận và sở hữu:

- Tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Điện Tiến - Quỹ Tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 04/10/2016, số tiền gốc: 15.000.000đ (do ông Dương Văn Th đứng tên gửi); Số seri của sổ: 0342865.

- Tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Điện Tiến - Quỹ Tín dụng nhân dân Tây Điện Bàn vào ngày 12/7/2017, số tiền gốc: 12.000.000đ (do ông Dương Văn Th đứng tên gửi); Số seri của sổ: 0351567.

Bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Dương Văn Th giá trị chênh lệch tài sản chung là: 175.219.300đ (một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm mười chín nghìn, ba trăm đồng).

d) Về nợ chung: Không có.

e) Về án phí: Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 5.430.400đ (năm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí chia tài sản. Tổng công là: 5.580.400đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.550.000đ, tại biên lai thu số 0008464, ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Phạm Thị T còn phải nộp tiền án phí sơ thẩm là: 4.030.400đ (bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng)

Ông Dương Văn Th chịu 5.055.400đ (năm triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng) án phí chia tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND T. Quảng Nam;
- VKSND TX. Điện Bàn;
- THADS TX. Điện Bàn;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Nhung